

1. Phó Thủ tướng Chính phủ, Chủ nhiệm Chương trình,
2. Bộ trưởng Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội, Phó Chủ nhiệm Thường trực,
3. Thứ trưởng Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội, ủy viên,
4. Thứ trưởng Bộ Kế hoạch và Đầu tư, ủy viên,
5. Thứ trưởng Bộ Tài chính, ủy viên,
6. Thứ trưởng Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn, ủy viên,
7. Phó Thống đốc Ngân hàng Nhà nước Việt Nam, ủy viên,
8. Thứ trưởng Bộ Y tế, ủy viên,
9. Thứ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo, ủy viên,
10. Phó Chủ nhiệm Ủy ban Dân tộc và Miền núi, ủy viên,
11. Phó Chủ nhiệm Ủy ban Dân số và Kế hoạch hóa gia đình, ủy viên.

Chủ nhiệm Chương trình mời 1 đại diện Đoàn Chủ tịch Ủy ban Trung ương Mặt trận Tổ quốc Việt Nam, Hội Nông dân Việt Nam, Hội Liên hiệp Phụ nữ Việt Nam và Đoàn Thanh niên Cộng sản Hồ Chí Minh tham gia Ban Chủ nhiệm Chương trình.

Bộ phận giúp việc, phục vụ các hoạt động của Ban Chủ nhiệm Chương trình do cán bộ của bộ phận giúp việc thuộc biên chế của Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội. Trụ sở làm việc của bộ phận giúp việc đặt tại Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội số 2 Đinh Lễ, Hà Nội.

Điều 2. Ban Chủ nhiệm Chương trình mục tiêu quốc gia xóa đói, giảm nghèo và việc làm giai đoạn 2001 - 2005 có nhiệm vụ:

1. Tổ chức, chỉ đạo triển khai thực hiện Chương trình.

2. Phối hợp với Ủy ban Trung ương Mặt trận Tổ quốc Việt Nam và các đoàn thể để tổ chức, thực hiện Chương trình.

Điều 3. Ban Chủ nhiệm Chương trình có trách nhiệm xây dựng Quy chế hoạt động và phân công trách nhiệm cho các thành viên.

Điều 4. Chậm nhất đến ngày 20 tháng 11 năm 2001 các cơ quan có thành phần trong Điều 1 Quyết định này thông báo cho Ban Chủ nhiệm Chương trình danh sách đại diện của cơ quan mình tham gia Ban Chủ nhiệm Chương trình mục tiêu quốc gia xóa đói, giảm nghèo và việc làm giai đoạn 2001 - 2005.

Điều 5. Quyết định này có hiệu lực sau 15 ngày, kể từ ngày ký.

Điều 6. Các Bộ trưởng, Thủ trưởng cơ quan ngang Bộ, Thủ trưởng cơ quan thuộc Chính phủ, Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương và các thành viên nêu tại Điều 1 chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này.

Thủ tướng Chính phủ

PHAN VĂN KHẢI

QUYẾT ĐỊNH của Thủ tướng Chính phủ số 178/2001/QĐ-TTg ngày 12/11/2001 về quyền hưởng lợi, nghĩa vụ của hộ gia đình, cá nhân được giao, được thuê, nhận khoán rừng và đất lâm nghiệp.

THỦ TƯỚNG CHÍNH PHỦ

Căn cứ Luật Tổ chức Chính phủ ngày 30 tháng 9 năm 1992;

Căn cứ Luật Bảo vệ và phát triển rừng ngày 19 tháng 8 năm 1991;

Căn cứ Luật Đất đai ngày 14 tháng 7 năm 1993; Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Đất đai ngày 02 tháng 12 năm 1998; Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Đất đai ngày 29 tháng 6 năm 2001;

Căn cứ Nghị định số 163/1999/NĐ-CP ngày 16 tháng 11 năm 1999 của Chính phủ về giao đất, cho thuê đất lâm nghiệp cho tổ chức, hộ gia đình, cá nhân sử dụng ổn định lâu dài vào mục đích lâm nghiệp;

Căn cứ Nghị định số 01/CP ngày 04 tháng 1 năm 1995 của Chính phủ về việc giao khoán đất sử dụng vào mục đích nông nghiệp, lâm nghiệp và nuôi trồng thủy sản trong các doanh nghiệp nhà nước;

Xét đề nghị của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn,

QUYẾT ĐỊNH:

Chương I

NHỮNG QUY ĐỊNH CHUNG

Điều 1. Quyết định này quy định về quyền hưởng lợi, nghĩa vụ của hộ gia đình, cá nhân được Nhà nước giao, cho thuê, khoán rừng và đất lâm nghiệp để bảo vệ, khoanh nuôi tái sinh và trồng rừng, nhằm tạo động lực kinh tế khuyến khích nhân dân tích cực tham gia bảo vệ và phát triển rừng; làm cho thu nhập từ rừng trở thành một nguồn thu đáng kể, góp phần bảo đảm cuộc sống của người làm nghề rừng; đồng thời làm rõ trách nhiệm của người được giao, được thuê, nhận khoán rừng đối với việc bảo vệ và phát triển rừng.

Điều 2. Quyết định này được áp dụng đối với hộ gia đình, cá nhân thuộc một trong các trường hợp sau đây:

1. Được Nhà nước giao rừng và đất lâm nghiệp theo Nghị định số 02/CP ngày 15 tháng 1 năm 1994 của Chính phủ; được giao, được thuê đất lâm nghiệp theo Nghị định số 163/1999/NĐ-CP ngày 16 tháng 11 năm 1999 của Chính phủ về giao đất, cho thuê đất lâm nghiệp cho tổ chức, hộ gia đình, cá nhân sử dụng ổn định lâu dài vào mục đích lâm nghiệp.

2. Được các tổ chức nhà nước khoán bảo vệ, khoanh nuôi tái sinh và trồng rừng theo Nghị định số 01/CP ngày 04 tháng 1 năm 1995 của Chính phủ về việc giao khoán đất sử dụng vào mục đích nông nghiệp, lâm nghiệp, nuôi trồng thủy sản trong các doanh nghiệp nhà nước.

Điều 3. Nguyên tắc xác định quyền hưởng lợi và nghĩa vụ của hộ gia đình, cá nhân được Nhà nước giao, cho thuê, khoán rừng và đất lâm nghiệp:

1. Đảm bảo lợi ích hài hòa giữa Nhà nước với người trực tiếp bảo vệ, khoanh nuôi tái sinh và trồng rừng; giữa lợi ích kinh tế của rừng với lợi ích phòng hộ, bảo vệ môi trường sinh thái và bảo tồn thiên nhiên; giữa lợi ích trước mắt và lâu dài.

2. Quyền hưởng lợi trên đất lâm nghiệp bao gồm: gỗ, các lâm sản ngoài gỗ, sản phẩm trồng xen, tiền công tương xứng với tiền của, công sức của hộ gia đình, cá nhân đã đầu tư vào rừng.

3. Quyền hưởng lợi và nghĩa vụ chỉ được thực hiện trong thời hạn được giao, được thuê hoặc nhận khoán rừng và đất lâm nghiệp.

Chương II

QUYỀN HƯỞNG LỢI, NGHĨA VỤ CỦA HỘ GIA ĐÌNH, CÁ NHÂN ĐƯỢC NHÀ NƯỚC GIAO, CHO THUÊ ĐẤT LÂM NGHIỆP

Điều 4. Hộ gia đình, cá nhân được Nhà nước giao rừng đặc dụng để quản lý, bảo vệ và xây dựng:

1. Được Nhà nước cấp kinh phí để thực hiện

nhệm vụ quản lý, bảo vệ, khoanh nuôi tái sinh và trồng rừng theo dự án đầu tư được cấp có thẩm quyền phê duyệt.

2. Được tiến hành các hoạt động dịch vụ nghiên cứu khoa học, văn hóa, xã hội và du lịch sinh thái theo quy định của pháp luật.

Điều 5. Hộ gia đình, cá nhân được giao rừng phòng hộ để quản lý, bảo vệ, khoanh nuôi tái sinh:

1. Được Nhà nước cấp kinh phí để thực hiện nhiệm vụ quản lý, bảo vệ và khoanh nuôi tái sinh rừng theo quy định hiện hành.

2. Được thu hái lâm sản phụ, hoa, quả, dầu, nhựa..., trong quá trình bảo vệ, khoanh nuôi tái sinh rừng theo quy định hiện hành.

3. Được khai thác cây gỗ chết khô, cây đổ gãy, cây sâu bệnh theo thiết kế khai thác do Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn phê duyệt và cấp giấy phép. Lâm sản nói trên được tự do lưu thông khi có đủ thủ tục theo quy định.

4. Được khai thác tre, nứa với cường độ tối đa 30% khi rừng đạt độ che phủ 80% trên diện tích đất được giao theo quy chế khai thác lâm sản hiện hành; được hưởng toàn bộ giá trị lâm sản thu được sau khi nộp thuế.

5. Được khai thác gỗ theo phương thức chặt chọn với cường độ khai thác không quá 20% khi rừng phòng hộ được phép khai thác (trừ những động vật, thực vật nằm trong danh mục thực vật rừng, động vật rừng quý, hiếm theo quy định của Chính phủ và danh mục động vật, thực vật ghi trong phụ lục công ước về buôn bán quốc tế các loài động vật, thực vật hoang dã nguy cấp - CITES) theo thiết kế được Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn phê duyệt và cấp giấy phép khai thác. Việc khai thác phải tuân theo quy chế khai thác lâm sản hiện hành. Hộ gia đình, cá nhân được hưởng từ 85% - 90% sản phẩm khai thác sau khi nộp thuế, phần còn lại nộp ngân sách nhà nước.

Điều 6. Hộ gia đình, cá nhân được giao đất lâm nghiệp chưa có rừng thuộc quy hoạch rừng phòng hộ:

1. Được Nhà nước cấp kinh phí để trồng và chăm sóc rừng theo quy định hiện hành.

2. Được sử dụng cây nông nghiệp lâu năm làm cây trồng chính rừng phòng hộ hoặc trồng xen với cây rừng bản địa lâu năm theo thiết kế trồng rừng được Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn phê duyệt.

3. Được hưởng 100% sản phẩm khai thác từ cây phù trợ, cây trồng xen, sản phẩm tủa thưa theo thiết kế được Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn phê duyệt và phải đảm bảo độ tàn che của rừng trên 0,6 sau khi tủa thưa.

4. Được sử dụng tối đa không quá 20% diện tích đất lâm nghiệp chưa có rừng để sản xuất nông nghiệp và ngư nghiệp.

5. Được khai thác gỗ theo phương thức chặt chọn với cường độ khai thác không quá 20% khi rừng phòng hộ được phép khai thác theo thiết kế được Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn phê duyệt và cấp giấy phép khai thác.

Giá trị sản phẩm khai thác sau khi nộp thuế được phân chia theo tỷ lệ như sau: hộ gia đình, cá nhân được hưởng từ 90 - 95%, phần còn lại nộp ngân sách nhà nước.

6. Trường hợp hộ gia đình, cá nhân tự đầu tư vốn để trồng rừng thì được hưởng 100% sản phẩm khi rừng đạt tuổi khai thác, mỗi năm được phép khai thác không quá 10% diện tích do chủ rừng đã gây trồng thành rừng theo quy trình, quy phạm kỹ thuật hiện hành.

Điều 7. Hộ gia đình, cá nhân được Nhà nước giao rừng tự nhiên quy hoạch rừng sản xuất:

1. Được trồng xen các cây nông nghiệp, cây dược liệu, chăn thả gia súc và khai thác các lợi ích khác của rừng phù hợp với quy chế quản lý rừng sản xuất.

2. Được tận dụng sản phẩm trong quá trình thực hiện các biện pháp kỹ thuật lâm sinh theo quy trình, quy phạm hiện hành.

3. Được khai thác lâm sản để giải quyết nhu cầu gia dụng (trừ những động vật, thực vật nằm trong danh mục thực vật rừng, động vật rừng quý, hiếm theo quy định của Chính phủ và danh mục động vật, thực vật ghi trong phụ lục công ước về buôn bán quốc tế các loài động vật, thực vật hoang dã nguy cấp - CITES). Nếu có nhu cầu làm nhà mới để tách hộ hoặc thay thế nhà cũ, sửa chữa lớn nhà ở cho mình tại xã nơi có rừng, hộ gia đình, cá nhân phải làm đơn gửi Ủy ban nhân dân xã xác nhận, trình Ủy ban nhân dân huyện xét duyệt, cấp giấy phép khai thác không quá 10m³ gỗ tròn cho 1 hộ. Phải khai thác theo sự hướng dẫn và giám sát của xã. Nghiêm cấm mọi hành vi lợi dụng việc khai thác gỗ làm nhà để buôn bán.

4. Khi rừng được phép khai thác chính, hộ gia đình, cá nhân làm đơn xin phép khai thác gửi Ủy ban nhân dân xã xem xét, trình Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn duyệt và cấp giấy phép khai thác. Việc khai thác phải tuân theo quy chế khai thác lâm sản hiện hành.

Căn cứ vào hiện trạng rừng khi giao cho hộ gia đình, cá nhân, giá trị lâm sản khai thác chính sau khi nộp thuế được phân chia theo tỷ lệ như sau:

a) Đối với rừng gỗ:

- Rừng thứ sinh nghèo kiệt: Hộ gia đình, cá nhân được hưởng 100%.

- Rừng phục hồi sau nương rẫy hoặc sau khai thác với cây gỗ có đường kính phổ biến dưới 20cm: Hộ gia đình, cá nhân được hưởng từ 70% - 80%, phần còn lại nộp ngân sách nhà nước.

- Rừng có trữ lượng còn ở mức trung bình hoặc giàu, lớn hơn 100 m³/ha, từ lúc giao đến khi khai thác, mỗi năm hộ gia đình, cá nhân được hưởng 2%, phần còn lại nộp ngân sách nhà nước.

b) Đối với rừng tre, nứa: Được phép khai thác

theo quy trình, quy phạm kỹ thuật hiện hành. Sau khi nộp thuế, hộ gia đình, cá nhân được hưởng 95%, nộp ngân sách nhà nước 5%.

Điều 8. Hộ gia đình, cá nhân được giao rừng sản xuất là rừng trồng bằng vốn ngân sách nhà nước:

1. Được hưởng các quyền lợi quy định tại các khoản 1, 2, 3 Điều 7 của Quyết định này.

2. Được phép khai thác khi rừng đạt tiêu chuẩn khai thác và được hưởng từ 75 - 85% giá trị lâm sản khai thác sau khi nộp thuế, tùy theo cấp tuổi rừng trồng lúc được giao, phần còn lại nộp ngân sách nhà nước.

Điều 9. Hộ gia đình, cá nhân được giao đất lâm nghiệp chưa có rừng thuộc quy hoạch rừng sản xuất để gây trồng rừng:

1. Được Nhà nước hỗ trợ kinh phí để trồng rừng theo quy định hiện hành.

2. Nếu nhận vốn hỗ trợ của các dự án để gây trồng rừng thì được hưởng các quyền lợi theo quy định tại quy chế các dự án đó.

3. Nếu tự bỏ vốn để trồng rừng thì được quyền tự quyết định mục đích và phương thức gây trồng rừng (khoanh nuôi xúc tiến tái sinh hoặc trồng rừng mới), lựa chọn loài cây trồng, kỹ thuật trồng; được quyền tự quyết định việc khai thác và sử dụng lâm sản.

4. Mọi sản phẩm khai thác từ rừng được tự do lưu thông.

5. Được sử dụng một phần đất lâm nghiệp chưa có rừng để sản xuất nông nghiệp, nuôi trồng thủy sản nhưng không quá 20% diện tích đất được giao.

Điều 10. Hộ gia đình, cá nhân được thuê đất lâm nghiệp chưa có rừng thuộc quy hoạch rừng sản xuất để gây trồng rừng:

1. Được quyền tự quyết định mục đích và phương thức gây trồng rừng (khoanh nuôi xúc tiến tái sinh hoặc trồng rừng mới), lựa chọn loài

cây trồng, kỹ thuật trồng; được quyền tự quyết định việc khai thác và sử dụng lâm sản.

2. Nếu hộ gia đình, cá nhân nhận vốn hỗ trợ của các dự án để gây trồng rừng thì được hưởng các quyền lợi theo quy định tại quy chế các dự án đó.

3. Mọi sản phẩm khai thác từ rừng được tự do lưu thông.

4. Được sử dụng một phần đất lâm nghiệp chưa có rừng để sản xuất nông nghiệp, nuôi trồng thủy sản nhưng không quá 20% diện tích đất chưa có rừng được thuê.

Điều 11. Hộ gia đình, cá nhân được Nhà nước cho thuê đất rừng đặc dụng, đất rừng phòng hộ để kinh doanh cảnh quan, du lịch, nghỉ dưỡng dưới tán rừng:

1. Được sử dụng sinh cảnh của rừng để kinh doanh du lịch sinh thái, nghỉ dưỡng; được xây dựng cơ sở dịch vụ du lịch, nghỉ dưỡng dưới tán rừng theo dự án được cơ quan nhà nước có thẩm quyền phê duyệt.

2. Thực hiện nghiêm chỉnh các quy định pháp luật về quản lý, bảo vệ rừng đặc dụng, rừng phòng hộ; nghiêm cấm các hoạt động gây ô nhiễm và có hại đến sinh trưởng và phát triển bình thường của các loài động, thực vật rừng.

Điều 12. Hộ gia đình, cá nhân được Nhà nước giao, cho thuê đất lâm nghiệp có những nghĩa vụ sau đây:

1. Quản lý, bảo vệ, sử dụng rừng và đất lâm nghiệp được giao, được thuê đúng mục đích, đúng ranh giới đã ghi trong quyết định giao, cho thuê đất lâm nghiệp của cơ quan nhà nước có thẩm quyền.

2. Bảo toàn và phát triển vốn rừng được giao, được thuê. Phải thực hiện các biện pháp tái tạo rừng trong vòng 1 năm sau khi khai thác.

3. Thực hiện đầy đủ các nghĩa vụ tài chính theo quy định của pháp luật.

Chương III

QUYỀN HƯỞNG LỢI, NGHĨA VỤ CỦA HỘ GIA ĐÌNH, CÁ NHÂN ĐƯỢC CÁC TỔ CHỨC NHÀ NƯỚC KHOẢN BẢO VỆ, KHOANH NUÔI TÁI SINH VÀ TRỒNG RỪNG

Điều 13. Hộ gia đình, cá nhân nhận khoán trồng, bảo vệ, khoanh nuôi tái sinh rừng đặc dụng:

1. Được nhận tiền công khoán để trồng, bảo vệ, khoanh nuôi tái sinh theo hợp đồng khoán.

2. Được Ban quản lý khu rừng đặc dụng tạo điều kiện tham gia các hoạt động dịch vụ, du lịch.

Điều 14. Hộ gia đình, cá nhân nhận khoán bảo vệ, khoanh nuôi tái sinh rừng tự nhiên ở những vùng phòng hộ đầu nguồn:

1. Được nhận tiền công khoán bảo vệ, khoanh nuôi tái sinh rừng theo hợp đồng khoán.

2. Được thu hái lâm sản phụ, hoa, quả, dầu, nhựa..., trong quá trình bảo vệ, khoanh nuôi tái sinh rừng theo hướng dẫn của Bên giao khoán.

3. Được khai thác cây gỗ chết khô, cây đổ gãy, cây sâu bệnh, sản phẩm tủa thưa theo thiết kế do Bên giao khoán lập, Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn phê duyệt và cấp giấy phép khai thác. Lâm sản nói trên được tự do lưu thông.

4. Được khai thác tre, nứa với cường độ tối đa 30% khi rừng đảm bảo độ che phủ trên 80% diện tích nhận khoán theo sự hướng dẫn và giám sát của Bên giao khoán. Giá trị lâm sản thu được sau khi nộp thuế, hộ được hưởng từ 80 - 90%, phần còn lại nộp Bên giao khoán.

5. Được khai thác gỗ theo phương thức chặt chọn với cường độ khai thác không quá 20% khi rừng phòng hộ được phép khai thác theo thiết kế do Bên giao khoán lập, Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn thẩm định, trình Ủy ban nhân

dân tỉnh phê duyệt và cấp giấy phép khai thác. Căn cứ vào hiện trạng rừng khi hộ gia đình, cá nhân nhận khoán, giá trị gỗ khai thác sau khi nộp thuế được phân phối như sau:

- Rừng thứ sinh nghèo kiệt: Hộ gia đình, cá nhân được hưởng 95%, phần còn lại nộp Bên giao khoán.

- Rừng phục hồi sau nương rẫy hoặc sau khai thác với cây gỗ có đường kính phổ biến dưới 20cm: Hộ gia đình, cá nhân được hưởng từ 75% - 85%, phần còn lại nộp Bên giao khoán.

- Rừng có trữ lượng còn ở mức trung bình hoặc giàu, lớn hơn 100m³/ha: từ lúc nhận khoán đến khi khai thác mỗi năm hộ gia đình, cá nhân được hưởng 2%, phần còn lại nộp Bên giao khoán.

Trường hợp hộ nhận khoán tự đầu tư vốn để khoanh nuôi phục hồi rừng được hưởng 100% giá trị gỗ khai thác sau khi nộp thuế.

Hộ gia đình, cá nhân phải tự đầu tư tái tạo rừng trong vòng 1 năm sau khi khai thác.

Điều 15. Hộ gia đình, cá nhân nhận khoán trồng, chăm sóc, bảo vệ rừng ở vùng phòng hộ đầu nguồn:

1. Được Nhà nước cấp kinh phí để trồng, chăm sóc, bảo vệ rừng theo quy định hiện hành.

2. Được sử dụng cây nông nghiệp lâu năm làm cây trồng chính rừng phòng hộ hoặc trồng xen với cây rừng bản địa lâu năm theo thiết kế trồng rừng do Bên giao khoán lập, Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn phê duyệt.

3. Được hưởng 100% sản phẩm khai thác từ cây phù trợ, cây trồng xen, sản phẩm tủa thưa, nhưng phải đảm bảo độ tàn che của rừng trên 0,6 sau khi tủa thưa.

4. Được thu hái lâm sản phụ, hoa, quả, dầu, nhựa..., theo hướng dẫn của Bên giao khoán.

5. Được sử dụng tối đa không quá 20% diện tích đất lâm nghiệp chưa có rừng để sản xuất

nông nghiệp và ngư nghiệp theo sự hướng dẫn của Bên giao khoán.

6. Được khai thác chọn khi cây trồng chính của rừng được phép khai thác với cường độ không quá 20% theo thiết kế do Bên giao khoán lập, Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn thẩm định trình Ủy ban nhân dân tỉnh phê duyệt và cấp giấy phép khai thác.

Giá trị sản phẩm khai thác sau khi nộp thuế được phân chia theo tỷ lệ như sau:

a) Nếu hộ gia đình, cá nhân nhận kinh phí hỗ trợ của Nhà nước để trồng, chăm sóc, bảo vệ rừng thì được hưởng từ 80 - 90%, phần còn lại nộp Bên giao khoán.

b) Nếu hộ gia đình, cá nhân nhận khoán tự đầu tư trồng, chăm sóc, bảo vệ rừng thì được hưởng 100% giá trị sản phẩm sau khi nộp thuế.

c) Hộ gia đình, cá nhân nhận khoán phải tự đầu tư tái tạo rừng trong vòng 1 năm sau khi khai thác.

Điều 16. Hộ gia đình, cá nhân nhận khoán gây trồng, bảo vệ các khu rừng phòng hộ chắn gió, chắn cát bay; rừng phòng hộ chắn sóng lấn biển, bảo vệ môi trường sinh thái:

1. Được Nhà nước cấp kinh phí để trồng, chăm sóc và bảo vệ rừng theo quy định hiện hành.

2. Được trồng xen cây nông nghiệp với cây rừng và hưởng toàn bộ sản phẩm cây trồng xen.

3. Được thu hái lâm sản phụ, hoa, quả, dầu, nhựa..., theo hướng dẫn của Bên giao khoán.

4. Được tận thu lâm sản trong quá trình thực hiện các biện pháp kỹ thuật lâm sinh theo quy trình, quy phạm kỹ thuật hiện hành.

5. Được khai thác khi rừng được phép khai thác theo thiết kế do Bên giao khoán lập, Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn thẩm định trình Ủy ban nhân dân tỉnh phê duyệt và cấp giấy phép khai thác. Mỗi năm khai thác, hộ gia

đình, cá nhân nhận khoán được khai thác không quá 10% diện tích đã trồng thành rừng.

Giá trị sản phẩm khai thác sau khi nộp thuế được phân chia như sau:

a) Nếu nhận kinh phí hỗ trợ của Nhà nước để trồng và chăm sóc rừng thì hộ gia đình, cá nhân được hưởng từ 60 - 70%, phần còn lại nộp Bên giao khoán.

b) Nếu tự bỏ vốn để trồng, chăm sóc, bảo vệ rừng thì hộ gia đình, cá nhân được hưởng 100% giá trị sản phẩm sau khi nộp thuế.

Hộ gia đình, cá nhân phải tự đầu tư tái tạo lại rừng trong vòng 1 năm sau khi khai thác.

Điều 17. Hộ gia đình, cá nhân nhận khoán trồng, chăm sóc, bảo vệ rừng phòng hộ ở vùng rừng ngập nước:

1. Được Nhà nước cấp kinh phí để trồng, chăm sóc theo quy định hiện hành.

2. Được đánh bắt thủy, hải sản trên đất rừng nhận khoán theo sự hướng dẫn của Bên giao khoán; được tận thu lâm sản trong quá trình thực hiện các biện pháp kỹ thuật lâm sinh theo quy trình, quy phạm kỹ thuật hiện hành.

3. Được sử dụng không quá 30% diện tích đất nhận khoán để kết hợp nuôi trồng thủy sản nhưng không làm ảnh hưởng xấu tới cây rừng, phải tuân theo quy hoạch của ngành, địa phương và sự hướng dẫn của Bên giao khoán.

4. Được khai thác chọn khi rừng được phép khai thác với cường độ không quá 20% theo thiết kế do Bên giao khoán lập, Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn thẩm định, trình Ủy ban nhân dân tỉnh phê duyệt và cấp giấy phép khai thác.

Giá trị lâm sản khai thác sau khi nộp thuế được phân chia như sau:

a) Nếu nhận vốn hỗ trợ của Nhà nước để trồng và chăm sóc rừng thì hộ gia đình, cá nhân được

hưởng từ 80 - 90%, phần còn lại nộp Bên giao khoán.

b) Nếu tự bỏ vốn để trồng, chăm sóc, bảo vệ thì hộ gia đình, cá nhân được hưởng 100% giá trị sản phẩm sau khi trừ thuế.

Hộ gia đình, cá nhân phải tự đầu tư tái tạo lại rừng trong vòng 1 năm sau khi khai thác.

Điều 18. Hộ gia đình, cá nhân nhận khoán bảo vệ rừng sản xuất là rừng tự nhiên:

1. Được tận dụng lâm sản trong quá trình thực hiện các biện pháp kỹ thuật lâm sinh theo quy trình, quy phạm kỹ thuật hiện hành; được khai thác lâm sản phụ.

2. Được trồng xen các loại cây đặc sản rừng, cây nông nghiệp và chăn thả gia súc dưới tán rừng, khoảng trống trong rừng nhưng không được làm ảnh hưởng xấu đến sự sinh trưởng của rừng.

3. Khi rừng đạt tiêu chuẩn khai thác, Bên giao khoán thống nhất với hộ gia đình, cá nhân nhận khoán tiến hành khai thác theo thiết kế được Ủy ban nhân dân tỉnh phê duyệt và cấp giấy phép khai thác.

Giá trị lâm sản khai thác sau khi nộp thuế được phân chia như sau: Hộ gia đình, cá nhân nhận khoán được hưởng từ 1,5 - 2% cho mỗi năm nhận khoán bảo vệ rừng, phần còn lại nộp Bên giao khoán.

Điều 19. Hộ gia đình, cá nhân nhận khoán phục hồi rừng tự nhiên là rừng sản xuất bằng biện pháp khoanh nuôi xúc tiến tái sinh kết hợp trồng bổ sung:

1. Được Bên giao khoán cấp kinh phí để khoanh nuôi xúc tiến tái sinh rừng theo quy định hiện hành.

2. Được sản xuất nông, lâm kết hợp dưới tán rừng theo hướng dẫn của Bên giao khoán.

3. Được tận dụng lâm sản trong quá trình thực hiện các biện pháp kỹ thuật lâm sinh theo quy trình, quy phạm kỹ thuật hiện hành.

4. Được khai thác khi rừng đạt tiêu chuẩn khai thác theo thiết kế do Bên giao khoán lập, Ủy ban nhân dân tỉnh phê duyệt và cấp giấy phép khai thác.

Giá trị lâm sản khai thác sau khi nộp thuế được phân chia như sau: Hộ gia đình, cá nhân nhận khoán được hưởng từ 1,5 - 2% cho mỗi năm nhận khoán khoanh nuôi tái sinh rừng, phần còn lại nộp Bên giao khoán; nếu hộ gia đình, cá nhân nhận khoán tự đầu tư khoanh nuôi xúc tiến tái sinh thì được hưởng từ 2,5 - 3% cho mỗi năm nhận khoán khoanh nuôi xúc tiến tái sinh rừng.

Điều 20. Hộ gia đình, cá nhân nhận khoán trồng, chăm sóc, bảo vệ rừng sản xuất:

1. Được Bên giao khoán cấp kinh phí trồng, chăm sóc và bảo vệ rừng theo quy định hiện hành.

2. Được trồng xen cây nông nghiệp với cây rừng khi rừng chưa khép tán; được sản xuất nông, lâm kết hợp dưới tán rừng nhưng không được làm ảnh hưởng xấu đến sinh trưởng của cây rừng; được hưởng toàn bộ sản phẩm trồng xen.

3. Được tận dụng lâm sản trong quá trình thực hiện các biện pháp kỹ thuật lâm sinh theo quy trình, quy phạm kỹ thuật hiện hành.

4. Khi rừng đạt tiêu chuẩn khai thác, hộ gia đình, cá nhân nhận khoán thống nhất với Bên giao khoán thời điểm và phương thức khai thác.

Giá trị lâm sản khai thác sau khi nộp thuế được phân chia như sau: Hộ gia đình, cá nhân nhận khoán được hưởng từ 2 - 2,5% cho mỗi năm nhận khoán bảo vệ rừng; phần còn lại nộp Bên giao khoán.

Nếu hộ gia đình, cá nhân tự bỏ vốn để trồng, chăm sóc, bảo vệ thì được hưởng 95% giá trị sản phẩm khai thác sau khi nộp thuế, phần còn lại nộp Bên giao khoán.

Nếu hộ gia đình, cá nhân nhận khoán cùng đầu tư với Bên giao khoán thì phân phối theo tỷ

lệ góp vốn và ngày công lao động của mỗi bên quy thành tiền.

Điều 21. Hộ gia đình, cá nhân nhận khoán bảo vệ rừng, khoanh nuôi tái sinh và trồng rừng (trừ rừng đặc dụng) được phép sử dụng một phần đất nhận khoán không quá 200m² làm nhà ở để trông nom khu rừng nhận khoán, nhưng phải được Bên giao khoán thỏa thuận bằng văn bản và phải đăng ký với Ủy ban nhân dân xã sở tại.

Điều 22. Hộ gia đình, cá nhân nhận khoán bảo vệ, khoanh nuôi tái sinh và trồng rừng có nghĩa vụ sau đây:

1. Sử dụng rừng và đất lâm nghiệp nhận khoán đúng mục đích, đúng kế hoạch đã ghi trong hợp đồng khoán.

2. Bán sản phẩm sản xuất ra trên đất nhận khoán theo hợp đồng khoán.

3. Nếu vi phạm hợp đồng gây thiệt hại cho Bên giao khoán thì phải bồi thường thiệt hại theo quy định của pháp luật.

Chương IV

ĐIỀU KHOẢN THI HÀNH

Điều 23. Phần giá trị lâm sản nộp ngân sách theo quy định tại Quyết định này được để lại cho xã và chủ yếu được sử dụng vào việc quản lý, bảo vệ và phát triển rừng. Phần giá trị lâm sản nộp cho Bên giao khoán được sử dụng như sau:

1. Đối với Ban quản lý rừng đặc dụng, Ban quản lý rừng phòng hộ và các tổ chức nhà nước khác: là một khoản thu và chủ yếu được sử dụng vào việc quản lý, bảo vệ và phát triển rừng.

2. Đối với các doanh nghiệp nhà nước: là khoản thu từ hoạt động kinh doanh lâm nghiệp, phục vụ trực tiếp cho việc quản lý, bảo vệ và phát triển rừng.

Điều 24. Tổ chức thi hành:

1. Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn chủ

trì, phối hợp với Bộ Tài chính, các Bộ, ngành có liên quan hướng dẫn thi hành Quyết định này.

2. Các Bộ trưởng, Thủ trưởng cơ quan ngang Bộ, Thủ trưởng các cơ quan có liên quan và Chủ tịch Ủy ban nhân dân các tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này.

Điều 25. Quyết định này có hiệu lực thi hành sau 15 ngày; kể từ ngày ký, những quy định trước đây trái với Quyết định này đều bãi bỏ./.

KT. Thủ tướng Chính phủ
Phó Thủ tướng

NGUYỄN CÔNG TÂN

QUYẾT ĐỊNH của Thủ tướng Chính phủ số 179/2001/QĐ-TTg ngày 14/11/2001 về việc thành lập Ban Chỉ đạo nghiên cứu cải cách chính sách tiền lương nhà nước.

THỦ TƯỚNG CHÍNH PHỦ

Căn cứ Luật Tổ chức Chính phủ ngày 30 tháng 9 năm 1992;

Căn cứ Nghị quyết phiên họp Chính phủ thường kỳ tháng 8 năm 2001 về việc xây dựng Đề án cải cách tiền lương nhà nước;

Theo đề nghị của Bộ trưởng, Trưởng ban Ban Tổ chức - Cán bộ Chính phủ,

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Thành lập Ban Chỉ đạo nghiên cứu cải

cách chính sách tiền lương nhà nước gồm các thành viên sau đây:

1. Trưởng Ban: Phó Thủ tướng thường trực.

2. Phó Trưởng ban thường trực: Bộ trưởng, Trưởng ban Ban Tổ chức - Cán bộ Chính phủ.

3. Các Phó Trưởng ban:

- Bộ trưởng Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội,

- Bộ trưởng Bộ Tài chính.

4. Các thành viên:

- Bộ trưởng Bộ Quốc phòng,

- Bộ trưởng Bộ Công an,

- Bộ trưởng Bộ Kế hoạch và Đầu tư,

- Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo,

- Bộ trưởng Bộ Y tế,

- Bộ trưởng Bộ Văn hóa - Thông tin,

- Bộ trưởng Bộ Khoa học, Công nghệ và Môi trường,

- Bộ trưởng, Chủ nhiệm Văn phòng Chính phủ,

- Một Phó Trưởng ban Ban Tổ chức - Cán bộ Chính phủ,

- Một Thứ trưởng Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội,

- Một Thứ trưởng Bộ Tài chính.

Mời Chủ tịch Tổng Liên đoàn Lao động Việt Nam, một Phó Trưởng ban Ban Tổ chức Trung ương và một Phó Chủ nhiệm Văn phòng Quốc hội tham gia Ban Chỉ đạo.

Điều 2. Ban Chỉ đạo nghiên cứu cải cách chính sách tiền lương nhà nước có nhiệm vụ:

1. Chỉ đạo việc xây dựng chính sách tiền lương nhà nước.

2. Nghiên cứu các chính sách kinh tế - xã hội